

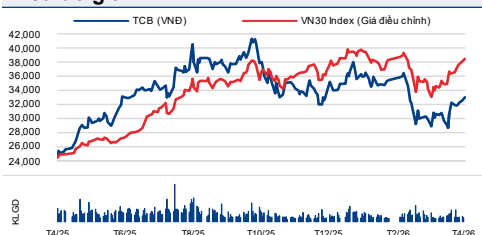
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ44,500
Tiềm năng tăng/giảm: 34.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/4/2026)	33,000
Mã Bloomberg	TCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	25,086-41,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,767
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	233,846
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,884
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,086
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,597
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.5%
Tỷ lệ freefloat	60.0%
Cổ đông lớn	nh và người liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,192	1,339	1,544
Dư nợ cho vay (ntđ)	768	883	1,042
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	53.4	63.0	74.6
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	30.6	37.0
BVPS (đồng)	23,996	27,315	31,538
EPS (đồng)	3,569	4,325	5,228
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	21.5	15.0	18.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	13.6	18.1	18.3
Tăng trưởng EPS (%)	16.9	21.2	20.9
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	28.0	23.1	19.1
ROAE (%)	16.0	16.9	17.8
ROAA (%)	2.33	2.42	2.57
Tỷ lệ NIM (%)	4.01	4.01	4.11
Tỷ lệ CIR (%)	30.8	29.3	27.8
Hệ số CAR (%)	14.6	15.0	14.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.07	1.20	1.20
LLR/nợ xấu (%)	128	113	106
Hệ số LDR (%)	124	125	127
P/B (lần)	1.38	1.21	1.05
P/E (lần)	9.25	7.63	6.31
Lợi suất cổ tức (%)	3.03	3.03	3.03

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Một trong những ngân hàng dẫn đầu & tập trung vào lĩnh vực cho vay BĐS. Hiện tại TCB có chỉ số CAR, ROA, CASA thuộc nhóm cao nhất ngành.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q1/2026: Nhìn chung tích cực nhưng NIM thấp hơn kỳ vọng

- KQKD Q1/2026 của TCB nhìn chung tích cực với LNTT đạt 8.870 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước), thấp hơn khoảng 4% so với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM thấp hơn kỳ vọng.
- KQKD phản ánh tăng trưởng tín dụng vừa phải ở mức 3,6% kể từ đầu năm, đa dạng hóa danh mục cho vay tiền triển tích cực, tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể, thu nhập phí tăng mạnh và chất lượng tài sản ổn định.
- Cổ phiếu TCB đã hồi phục 14% trong 1 tháng qua và đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,21 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,3 lần, và P/E dự phóng năm 2026 là 7,6 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 8,1 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 và cập nhật của BLĐ

KQKD Q1/2026 của TCB nhìn chung tích cực với LNTT đạt 8.870 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước), thấp hơn khoảng 4% so với dự báo của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM thấp hơn kỳ vọng. Tăng trưởng bằng cân đối ở mức vừa phải, thu nhập phí mạnh, và chất lượng tài sản ổn định là những điểm tích cực chính. LNTT Q1/2026 hoàn thành 22,5% dự báo cả năm của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng 3,6%, tiếp tục đa dạng hóa danh mục

Tổng dư nợ tín dụng tăng 3,6% kể từ đầu năm, cao hơn một chút so với bình quân ngành ở mức khoảng 3,2%. Ở cấp độ ngân hàng riêng lẻ, tăng trưởng tín dụng đạt 2,9%, phù hợp với hạn mức NHNN đặt ra cho Q1/2026. Theo phân khúc, tăng trưởng được dẫn dắt bởi mảng bán lẻ, tăng 6%, so với mảng doanh nghiệp tăng 2%.

Trong phân khúc doanh nghiệp, xây dựng tăng 72%, chiếm 10% dư nợ doanh nghiệp, và tiện ích & viễn thông tăng 14%, chiếm 4% dư nợ doanh nghiệp, là các động lực tăng trưởng mạnh nhất. Ngân hàng cũng tiếp tục đa dạng hóa và giảm phụ thuộc vào bất động sản, khi dư nợ phân khúc này giảm 2%; bất động sản hiện chiếm 54% dư nợ doanh nghiệp, tương đương 29% tổng tín dụng, so với 31% tại cuối 2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2026, TCB

Tỷ đồng	Q1/25	Q4/25	Q1/26	So với cùng kỳ	So với quý trước
Thu nhập lãi thuần	8,305	10,788	9,522	14.6%	-11.7%
Thu nhập ngoài lãi	3,306	4,007	4,152	25.6%	3.6%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,828	2,571	3,148	72.2%	22.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	455	213	584	28.4%	174.3%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	629	728	282	-55.2%	-61.3%
Thu nhập khác	394	495	138	-64.9%	-72.0%
Tổng thu nhập HĐ	11,611	14,795	13,674	17.8%	-7.6%
Chi phí HĐ	(3,285)	(4,824)	(3,869)	17.8%	-19.8%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	8,326	9,971	9,805	17.8%	-1.7%
Chi phí dự phòng	(1,090)	(818)	(935)	-14.2%	14.4%
LNTT	7,236	9,153	8,870	22.6%	-3.1%
Lợi nhuận thuần	5,949	6,676	6,671	12.1%	-0.1%

Nguồn: TCB, HSC

Trong phân khúc bán lẻ và DNNVV, các động lực tăng trưởng chính gồm cho vay tín chấp tăng 14%, chiếm 4% danh mục bán lẻ; cho vay SME tăng 7%, chiếm 5%; và cho vay mua nhà tăng 6%, chiếm 70%.

Huy động sơ cấp giảm 2%, tiền gửi không kỳ hạn sụt giảm đúng như dự báo

Tổng huy động sơ cấp giảm 2% kể từ đầu năm, trong đó tiền gửi khách hàng giảm 3,1% trong khi giấy tờ có giá tăng 1,2%. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (không bao gồm sinh lời tự động) giảm xuống 32,6% từ 35,9% tại thời điểm cuối năm 2025, trong bối cảnh lãi suất tăng. Tiền gửi không kỳ hạn sụt giảm chủ yếu do khách hàng cá nhân, nhóm nhạy cảm hơn với lãi suất và đã chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn với lợi suất cao hơn, trong khi tiền gửi không kỳ hạn của doanh nghiệp vẫn ổn định.

Tuy nhiên, BLĐ kỳ vọng tình hình sẽ cải thiện kể từ Q2 dựa trên định hướng của NHNN và việc giám sát chặt chẽ hơn về thanh khoản và lãi suất. Các hệ số thanh khoản, bao gồm tỷ lệ LDR theo quy định (80,5%) và hệ số SML (nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn) (26,9%) – đều tăng so với cuối năm 2025 nhưng vẫn thấp hơn mức trần theo quy định lần lượt là 85% và 30%.

Tỷ lệ NIM thu hẹp mạnh hơn kỳ vọng

Tỷ lệ NIM thu hẹp 55 điểm cơ bản so với quý trước (so với bình quân 35 điểm cơ bản năm 2025) xuống 3,7%, do lợi suất tài sản chỉ tăng nhẹ 10 điểm cơ bản so với quý trước, không đủ bù đắp mức tăng mạnh 65 điểm cơ bản so với quý trước của chi phí vốn. BLĐ cho biết chi phí huy động tăng mạnh một phần do khoản chi phí một lần và không nhiều khả năng tiếp diễn trong những quý tới.

Cùng kỳ vọng của BLĐ rằng lãi suất tiền gửi và lãi suất LNH sẽ duy trì ổn định và giảm dần trong nửa cuối năm 2026, sức ép lên tỷ lệ NIM được dự báo sẽ hạ nhiệt kể từ Q2.

Thu nhập ngoài lãi phân hóa, thu nhập phí vượt trội trong khi kinh doanh nguồn vốn & thu nhập khác sụt giảm

Lãi thuần HĐ dịch vụ tiếp tục là điểm sáng, tăng 72% so với cùng kỳ và tăng 22,5% so với quý trước, nhờ thu nhập bảo hiểm tăng mạnh và các dịch vụ LC, quản lý tiền mặt và thanh toán phục hồi. BLĐ nhấn mạnh kết quả tích cực của Techcom Life, với thị phần 21% trong lĩnh vực bancassurance và 9% tổng phí APE (Phí bảo hiểm tương đương hàng năm).

Trong khi đó, thu nhập từ HĐKD nguồn vốn - chủ yếu là giao dịch trái phiếu và phân phối trái phiếu - giảm đáng kể (giảm 55% so với cùng kỳ và giảm 61% so với quý trước), do lãi suất gia tăng làm giảm tỷ suất lợi nhuận phân phối trái phiếu và không thuận lợi cho giao dịch trái phiếu. Trong khi đó, thu nhập khác sụt giảm do thu nhập từ thu hồi nợ xấu thấp hơn và chi phí phòng ngừa rủi ro đối với các khoản vay USD.

Chất lượng tài sản duy trì tốt và ổn định

Chất lượng tài sản nhìn chung ổn định với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,09% (so với 1,07% tại thời điểm cuối năm 2025) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR cải thiện lên 129%. Nợ nhóm 2 tăng 41% so với quý trước, nhưng tỷ lệ nợ nhóm 2 vẫn trong tầm kiểm soát ở mức 0,68% (so với 0,5% tại thời điểm cuối năm 2025). BLĐ đặt kế hoạch tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5% và chi phí tín dụng khoảng 0,6% cho cả năm.

Tài liệu ĐHCĐ

Theo tài liệu ĐHCĐ năm 2026, TCB đặt kế hoạch LNTT theo kịch bản cơ sở thận trọng hơn so với dự báo của chúng tôi: 37.500 tỷ đồng (tăng trưởng 15%) dựa trên giả định xung đột Mỹ-Iran được giải quyết nhanh chóng, so với dự báo cơ sở của chúng tôi là 39.386 tỷ đồng (tăng trưởng 21%). Chúng tôi lưu ý rằng TCB đã vượt kế hoạch LNTT trong 9 / 10 năm gần nhất, chỉ không hoàn thành trong năm 2022 với mức hụt khoảng 5%. Trong giai đoạn 2023-2025

ngân hàng vượt kế hoạch bình quân 3%, cho thấy kế hoạch ban đầu của BLĐ thường mang tính thận trọng.

Ngân hàng cũng đề xuất phát hành 17 triệu cổ phiếu ESOP (tương đương 0,23991% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) với giá 10.000đ/cp, huy động 170 tỷ đồng, với trần sở hữu nước ngoài tăng nhẹ từ 22,5386% lên 22,5428% để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành. Ngoài ra kế hoạch chi trả cổ tức – bao gồm cả tiền mặt (700 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu (tỷ lệ 60%) cho năm 2025 cũng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Cổ phiếu TCB đã phục hồi 14% trong 1 tháng qua sau diễn biến kém tích cực trong Q1/2026, và hiện đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,21 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,3 lần, với ROE dự phóng ở mức 16,8% so với 17,3% bình quân ngành. Trên cơ sở P/E dự phóng 2026, hiện TCB đang được giao dịch ở mức 7,6 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 8,1 lần, trong khi có tăng trưởng EPS kỳ vọng vượt trội ở mức 21% so với 18% của nhóm so sánh. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu (tiềm năng tăng giá 35%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	60.1	68.0	86.2	95.0	110
Chi phí lãi	(24.6)	(29.9)	(42.0)	(42.8)	(48.0)
Thu nhập lãi thuần	35.5	38.2	44.3	52.2	61.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	8.04	8.77	11.3	14.1	16.9
Lãi thuần HĐ KDNH	0.59	1.64	1.89	2.08	2.29
Lãi/lỗ từ mua bán CK	2.44	2.90	3.34	3.51	3.70
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.04	0.04	0.04	0.05
Thu nhập khác	0.34	1.88	2.22	2.61	3.28
Tổng thu nhập HĐ	47.0	53.4	63.0	74.6	88.1
Chi phí HĐ	(15.4)	(16.4)	(18.5)	(20.8)	(23.4)
LN trước dự phòng	31.6	37.0	44.6	53.8	64.7
Chi phí dự phòng	(4.08)	(4.42)	(5.17)	(6.10)	(7.29)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.5	32.5	39.4	47.7	57.4
Chi phí thuế TNDN	(5.78)	(6.58)	(7.88)	(9.54)	(11.5)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.24)	(0.66)	(0.86)	(1.12)	(1.46)
Lợi nhuận thuần	21.5	25.3	30.6	37.0	44.5
EPS (đồng)	3,054	3,569	4,325	5,228	6,276
DPS (đồng)	1,500	1,000	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,047	7,086	7,086	7,086	7,086
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,065	7,086	7,086	7,086	7,086
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,065	7,086	7,086	7,086	7,086

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.38	4.36	9.44	11.4	12.4
Tiền gửi tại NHNN	54.4	82.2	56.4	49.1	57.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	84.6	115	121	127	133
Chứng khoán kinh doanh	9.00	4.82	6.02	7.21	7.93
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	624	757	871	1,028	1,214
Tổng dư nợ cho vay	632	768	883	1,042	1,229
Dự phòng rủi ro	(8.09)	(10.5)	(12.0)	(13.2)	(15.6)
Chứng khoán đầu tư	149	146	167	189	214
CK đầu tư sẵn sàng để bán	142	146	167	189	214
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	6.90	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.42)	(0.42)	(0.42)	(0.42)
Đầu tư dài hạn	3.10	3.25	3.25	3.25	3.25
Tài sản cố định	12.5	12.1	13.3	14.7	16.1
Tài sản khác	39.5	68.0	91.8	115	138
Tổng tài sản	979	1,192	1,339	1,544	1,795
Nợ phải trả	831	1,013	1,135	1,309	1,521
Tiền gửi của NHNN	0.01	4.32	0	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	132	145	151	158	174
Tổng tiền gửi KH	533	619	706	818	949
Trái phiếu và CCTG	140	215	248	297	357
Nợ khác	23.9	26.9	30.9	35.5	40.9
Vốn chủ sở hữu	145	170	194	223	261
Vốn điều lệ	70.6	70.9	70.9	70.9	70.9
Thặng dư vốn cổ phần	(0.00)	(0.00)	(0.00)	(0.00)	(0.00)
Lợi nhuận giữ lại	42.2	62.8	81.5	106	136
Quỹ & vốn khác của CSH	32.6	36.4	41.2	46.9	53.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.52	9.46	10.3	11.4	12.9
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	979	1,192	1,339	1,544	1,795
BVPS (đồng)	20,583	23,996	27,315	31,538	36,807

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	15.2	21.8	12.3	15.4	16.2
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.8	21.5	15.0	18.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	17.3	16.0	14.0	16.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.9	23.8	14.3	17.0	17.1
Tăng trưởng VCSH (%)	11.6	16.9	13.8	15.5	16.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.2	7.46	16.0	18.0	18.5
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	16.0	6.91	12.5	12.3	12.7
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	17.9	16.9	20.6	20.8	20.2
Tăng trưởng LNTT (%)	20.3	18.2	21.0	21.1	20.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	17.5	21.2	20.9	20.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.14	4.92	4.98	5.17	5.28
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.68)	(1.51)	(1.46)	(1.44)	(1.40)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	87.8	87.7	87.2	88.1	88.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	3.97	4.42	5.11	5.93	6.87
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	71.3	83.7	101	123	147

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.8	9.25	7.63	6.31	5.26
P/B (lần)	1.60	1.38	1.21	1.05	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	4.55	3.03	3.03	3.03	3.03

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	45.8	47.4	48.6	49.7	50.5
ROAA (%)	2.35	2.33	2.42	2.57	2.66
ROAE (%)	15.6	16.0	16.9	17.8	18.4
Chi phí huy động BQ (%)	3.28	3.34	4.02	3.60	3.49
Lợi suất góp BQ (%)	7.49	7.14	7.81	7.48	7.46
Lợi suất thuần (%)	4.21	3.80	3.79	3.89	3.97
Tỷ lệ NIM (%)	4.42	4.01	4.01	4.11	4.20
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	17.1	16.4	17.9	18.9	19.2
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	75.6	71.5	70.2	70.0	70.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	7.32	12.1	11.9	11.1	10.6
Tỷ lệ CIR (%)	32.7	30.8	29.3	27.8	26.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	49.1	28.0	23.1	19.1	15.9

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.4	14.6	15.0	14.8	14.7
VCSH/Tổng TS (%)	14.9	14.3	14.5	14.5	14.5
Đòn bẩy vốn (lần)	6.73	7.01	6.92	6.91	6.88

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.12	1.07	1.20	1.20	1.20
Hệ số LLR (%)	114	128	113	106	106

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	118	124	125	127	129
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	16.4	14.8	13.7	12.4	11.8
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	64.6	64.4	65.9	67.5	68.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	302	302	302	302	302
Số lượng nhân viên	11,848	12,085	12,327	12,573	12,825

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn